

Bản án số: **512/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 15/12/2023, V/v: *Tranh chấp hôn nhân và
gia đình.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Đỗ Văn Nghiêm**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Mạnh Kháng**
2. Bà **Nguyễn Thị Xuân Hương.**

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Minh Thu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoài Đức - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức – Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 463/2023/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐXXST-DS ngày 13/11/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2023/QĐ-HPT ngày 30/11/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh CD, sinh năm 1992 (Tên gọi cũ: DCD; theo Trích lục thay đổi hộ tịch số 229/TLCCHT do UBND huyện Hoài Đức cấp 08/9/2023); người đại diện theo pháp luật cho anh CD bà LT, sinh năm 1967; cùng trú tại: Thôn 6, xã S, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, (Anh CD là người bị mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 34/2023/QĐST-VDS ngày 09/5/2023 của TAND huyện Hoài Đức) - *Có mặt*

2. Bị đơn: Chị PD, sinh năm 2004; Người đại diện theo pháp luật cho chị PD là: Bà TD, sinh năm 1981 và ông QQ, sinh năm 1982 (là bố mẹ đẻ của chị PD); cùng có HKTT và nơi ở: thôn A, xã A, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội – *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà LT là người đại diện theo pháp luật trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh CD và chị PD có đăng ký kết hôn ngày

28/10/2022, tại UBND xã S, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội (Do hai gia đình tác thành). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn 6, xã S, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội (Gia đình nhà mẹ chồng), vợ chồng hạnh phúc được khoảng hơn một tháng thì chị PD bỏ về nhà mẹ đẻ; lý do chị PD bỏ về là Do anh CD mất năng lực hành vi dân sự, không nhận thức được tình cảm vợ chồng. Hai gia đình đã trao đổi nhiều lần về việc vợ chồng CDPD nhưng không thành, và đi đến thống nhất cho ly hôn. Hiện đã ly thân, gia đình hai bên xác định mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh CD được ly hôn chị PD.

Về con chung: Anh CD và chị PD không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, hai gia đình không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Nếu sau khi ly hôn có phát sinh về công nợ hai gia đình sẽ tự chịu trách nhiệm.

Về án phí: Gia đình anh CD tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

**** Quá trình tố tụng thu thập tài liệu, chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa của PD và người đại diện trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị PD và anh CD được hai bên gia đình gắn ghép, có đăng ký kết hôn ngày 28/10/2022, tại UBND xã S, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội (Do hai gia đình tác thành). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn 6, xã S, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là nhà chồng; vợ chồng hạnh phúc được khoảng hơn một tháng thì chị PD bỏ về nhà mẹ đẻ từ đó đến nay, vì anh CD mất năng lực hành vi dân sự, không nhận thức được tình cảm vợ chồng và trong cuộc sống.

Mâu thuẫn đã được gia đình LT luận nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân, hai gia đình xác định, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh CD và gia đình xin ly hôn, chị PD và gia đình chị PD đồng ý.

Về con chung: Chị PD và anh CD không có con chung. Hiện nay, chị PD không có thai.

Về tài sản chung: Không có, chị PD và gia đình không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, Hai gia đình xác nhận không có. Nếu sau khi ly hôn có phát sinh về công nợ chung thì chị PD và hai gia đình sẽ chịu trách nhiệm.

Về án phí: Anh CD tự nguyện chịu toàn bộ án phí, chị PD đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định, như: Điều tra, xác minh thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương

sự được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tổ tụng dân sự, nhưng bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tổ tụng của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận đơn xin ly hôn của anh CD (người đại diện là bà LT); cho anh CD được ly hôn chị PD. Về tài sản chung, nhà đất chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xét. Anh CD (do bà LT là đại diện) chịu án phí ly hôn theo luật định. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bị đơn, nguyên đơn đều cư trú trên địa bàn huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Nay nguyên đơn, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án ly hôn; Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1, 7 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. [1].

2. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh CD và chị PD được hai gia đình tự nguyện tác thành, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội vào ngày 28/10/2022, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc do nhận thức của cả hai, dẫn đến không hạnh phúc. Anh CD chị PD đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tòa án đã tổ chức hòa giải cho hai bên để về đoàn tụ, nhưng không thành. Hội đồng xét xử thấy mục đích hôn nhân của hai bên là không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của anh CD (do bà LT đại diện) xin ly hôn với chị PD là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp thuận đơn xin ly hôn của anh CD; áp dụng Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh CD được ly hôn với chị PD là có căn cứ [2].

3. Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết [3].

4. Về tài sản chung: Bà LT đại diện cho nguyên đơn, chị PD và ông bà TD, ông QQ đại diện cho bị đơn xác nhận không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết [4].

5. Về công nợ: Bà LT đại diện cho nguyên đơn, chị PD và ông bà TD, ông QQ đại diện cho bị đơn xác nhận không có. Nếu sau khi ly hôn có phát sinh, các bên chịu trách nhiệm trước pháp luật [5].

6. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội thì anh CD (do bà LT là đại diện) phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm [6].

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, đại diện cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định [7].

Từ nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh CD (tên gọi cũ: Đỗ Công CD) cùng người đại diện là bà LT. Anh CD được ly hôn với chị PD.

2. Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về công nợ: Các đương sự khẳng định không có, nếu sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về vay nợ thì các bên hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

5. Về án phí: Anh CD (do bà LT là đại diện) phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005314 ngày 02/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật ./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- TANDTP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- UBND xã S, H. Hoài Đức;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Nghiêm

